TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 32/2024/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 25 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1/ Bà **Nguyễn Thu N**, sinh năm 1964.

2/ Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn G: Bà **Nguyễn Thu N**, sinh năm 1964.

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 06/3/2024).

- *Bị đơn:*

1/ Bà **Đặng Thị S**, sinh năm 1958.

2/ Ông **Nguyễn Thái R**, sinh năm 1956.

3/ Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị S và ông Nguyễn Thái R: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1980.

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 06/3/2024).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Đặng Thị S, ông Nguyễn Thái R và anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thu N và ông Nguyễn Văn G số tiền thuê đất và mua phân bón còn nợ tổng cộng là 685.855.000đ *(Sáu trăm tám mươi lăm triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thu N và ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ nộp 7.858.550đ *(Bảy triệu tám trăm năm mươi tám ngàn năm trăm năm mươi đồng).* Nhưng bà N và ông G thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn án phí cho bà N và ông G theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bà Đặng Thị S, ông Nguyễn Thái R và anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ nộp 7.858.550đ *(Bảy triệu tám trăm năm mươi tám ngàn năm trăm năm mươi đồng).* Cụ thể bà S, ông R và anh C mỗi người có nghĩa vụ nộp 2.619.516đ *(Hai triệu sáu trăm mười chín ngàn năm trăm mười sáu đồng).* Nhưng bà S và ông R thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn án phí cho bà S và ông R theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An